

Số: 124 /2025/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 83/2024/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định về thành lập, nội dung, mức chi kinh phí và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 153/2025/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 83/2024/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về thành lập, nội dung, mức chi kinh phí và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Tổng số 2.233 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tại 2.233 bản, tiểu khu, tổ dân phố thuộc 67 xã, 08 phường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Mỗi Tổ có 03 thành viên, gồm: 01 Tổ trưởng, 01 Tổ phó và 01 Tổ viên.

(có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 01 năm 2026, thay thế Quyết định số 45/2025/QĐ-UBND ngày 01/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC, Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức trực thuộc;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Thống kê tỉnh Sơn La;
- Trung tâm thông tin tỉnh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CAT (01b), NC, ĐH(01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Việt



Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 124 /2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Xã, phường	Số Bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn	Số lượng Tổ bảo vệ ANTT	Tổ trưởng	Tổ phó	Tổ viên	Tổng số thành viên
1	xã Đoàn Kết	31	31	31	31	31	93
2	xã Lóng Sập	22	22	22	22	22	66
3	xã Chiềng Sơn	24	24	24	24	24	72
4	xã Vân Hồ	36	36	36	36	36	108
5	xã Song Khủa	27	27	27	27	27	81
6	xã Tô Múa	28	28	28	28	28	84
7	xã Xuân Nha	17	17	17	17	17	51
8	xã Quỳnh Nhai	41	41	41	41	41	123
9	xã Mường Chiên	21	21	21	21	21	63
10	xã Mường Giôn	23	23	23	23	23	69
11	xã Mường Sại	18	18	18	18	18	54
12	xã Thuận Châu	75	75	75	75	75	225
13	xã Chiềng La	31	31	31	31	31	93
14	xã Nậm Lâu	39	39	39	39	39	117
15	xã Muối Nọi	21	21	21	21	21	63
16	xã Mường Khiêng	48	48	48	48	48	144
17	xã Co Mạ	33	33	33	33	33	99
18	xã Bình Thuận	23	23	23	23	23	69
19	xã Mường É	26	26	26	26	26	78
20	xã Long Hẹ	23	23	23	23	23	69
21	xã Mường La	54	54	54	54	54	162
22	xã Chiềng Lao	39	39	39	39	39	117
23	xã Mường Bú	52	52	52	52	52	156
24	xã Chiềng Hoa	35	35	35	35	35	105
25	xã Bắc Yên	27	27	27	27	27	81
26	xã Tà Xùa	13	13	13	13	13	39

27	xã Tạ Khoa	23	23	23	23	23	69
28	xã Xím Vàng	10	10	10	10	10	30
29	xã Pắc Ngà	16	16	16	16	16	48
30	xã Chiềng Sại	10	10	10	10	10	30
31	xã Phù Yên	61	61	61	61	61	183
32	xã Gia Phù	28	28	28	28	28	84
33	xã Tường Hạ	22	22	22	22	22	66
34	xã Mường Cơi	32	32	32	32	32	96
35	xã Mường Bang	23	23	23	23	23	69
36	xã Tân Phong	13	13	13	13	13	39
37	xã Kim Bon	13	13	13	13	13	39
38	xã Yên Châu	57	57	57	57	57	171
39	xã Chiềng Hặc	41	41	41	41	41	123
40	xã Lóng Phiêng	19	19	19	19	19	57
41	xã Yên Sơn	22	22	22	22	22	66
42	xã Chiềng Mai	40	40	40	40	40	120
43	xã Mai Sơn	67	67	67	67	67	201
44	xã Phiêng Păn	45	45	45	45	45	135
45	xã Chiềng Mung	42	42	42	42	42	126
46	xã Phiêng Cầm	34	34	34	34	34	102
47	xã Mường Chanh	17	17	17	17	17	51
48	xã Tà Hộc	20	20	20	20	20	60
49	xã Chiềng Sung	26	26	26	26	26	78
50	xã Bó Sinh	27	27	27	27	27	81
51	xã Chiềng Khương	33	33	33	33	33	99
52	xã Mường Hung	53	53	53	53	53	159
53	xã Chiềng Khoong	50	50	50	50	50	150
54	xã Mường Lằm	27	27	27	27	27	81
55	xã Nậm Ty	29	29	29	29	29	87
56	xã Sông Mã	37	37	37	37	37	111
57	xã Huổi Một	27	27	27	27	27	81
58	xã Chiềng Sơ	31	31	31	31	31	93
59	xã Sốp Cộp	41	41	41	41	41	123
60	xã Púng Bính	31	31	31	31	31	93

61	xã Mường Lạn	16	16	16	16	16	48
62	xã Phiêng Khoài	30	30	30	30	30	90
63	xã Suối Tọ	11	11	11	11	11	33
64	xã Ngọc Chiến	15	15	15	15	15	45
65	xã Tân Yên	20	20	20	20	20	60
66	xã Mường Bám	17	17	17	17	17	51
67	xã Mường Lèo	13	13	13	13	13	39
68	phường Tô Hiệu	49	49	49	49	49	147
69	phường Chiềng An	27	27	27	27	27	81
70	phường Chiềng Cơi	30	30	30	30	30	90
71	phường Chiềng Sinh	33	33	33	33	33	99
72	phường Mộc Châu	28	28	28	28	28	84
73	phường Mộc Sơn	14	14	14	14	14	42
74	phường Vân Sơn	16	16	16	16	16	48
75	phường Thảo Nguyên	20	20	20	20	20	60
Tổng cộng		2233	2233	2233	2233	2233	6699